

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRUNG - TP. HÀ NỘI**

Bản án số: 29/2022/DS-ST

Ngày: 29/4/2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Nguyệt Ánh
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ninh Công Vinh
Bà Nguyễn Thu Hương
- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quang Đạo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng - Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Tuấn - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXX-ST ngày 28 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2022/QĐHPT ngày 14 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: Lầu 8, 266 – 268 đường N, phường 8, Q3, TP. Hồ Chí Minh

Đại diện pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc; Đại diện ủy quyền: Ông Trần Anh V – Giám đốc chi nhánh Hà Nội (văn bản ủy quyền số 3977/2020/GUQ-PL ngày 28/12/2020); Đại diện ủy quyền lại: Ông Phạm Hữu T (văn bản ủy quyền số 29 ngày 28/6/2021)

(ông T có mặt tại phiên tòa)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Tuấn A – sinh năm: 1987

HKTT: 16B ngõ 161C phố Đ, phường ĐT, quận H, Hà Nội

(vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 06/6/2019 Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Hà Nội (viết tắt là Ngân hàng hoặc S) và ông Nguyễn Tuấn A đã ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ vào mức thu nhập của ông Nguyễn Tuấn A, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là: 35.000.000 đồng

Mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân

Lãi suất: 25,8%/năm

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Tuấn A đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền: 419.890.785 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt cho đến nay ông Tuấn A đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền: 390.628.000 đồng. Từ ngày 22/9/2020 cho đến nay ông Tuấn A hoàn toàn không thanh toán bất kỳ khoản nào cho Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở ông Tuấn A nhưng khách hàng không có thiện chí trả nợ. Do ông Tuấn A vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã khởi kiện ông Nguyễn Tuấn A. Tính đến ngày 11/5/2021 ông Tuấn A còn nợ các khoản sau:

Nợ gốc: 40.300.489 đồng;

Lãi quá hạn: 7.282.349 đồng;

Tổng cộng: 47.582.838 đồng

Nay Ngân hàng yêu cầu ông Tuấn A phải thanh toán toàn bộ khoản nợ trên cho Ngân hàng. Ông Tuấn A tiếp tục phải chịu lãi suất phát sinh sau ngày 11/5/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Ngoài ra, Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Nguyễn Tuấn A. Nhưng ông Tuấn A không đến Tòa án làm việc và không gửi bất kỳ văn bản nào cho Tòa án nên Tòa án không có bản tự khai của ông Nguyễn Tuấn A.

Tại phiên tòa:

Đại diện Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Tuấn A phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày xét xử đối với hợp đồng tín dụng thẻ ký ngày 06/6/2019 nêu trên là:

Tiền gốc: 40.300.489 đồng

Nợ lãi quá hạn: 25.776.372 đồng

Tổng cộng: 66.076.861 đồng

Đề nghị Tòa án buộc Nguyễn Tuấn A có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày kế tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi ông Tuấn A trả dứt điểm khoản nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc thụ lý và giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các trình tự, thủ tục tố tụng pháp luật quy định. Nguyên đơn tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn không tham gia tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo đúng quy định của pháp luật để đưa vụ án ra xét xử đúng thời hạn. Quan điểm của Viện kiểm sát đối với nội dung vụ án như sau:

Về việc giải quyết vụ án:

- *Điều luật áp dụng:* Điều 466 Bộ luật dân sự 2015; Điều 21 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước ; Điều 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và những quy định khác có liên quan để giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng.

- *Xét hiệu lực hợp đồng cấp thẻ tín dụng:*

Ngày 06/6/2019, Ngân hàng TMCP S và ông Nguyễn Tuấn A kí kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với nội dung ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông Tuấn A với hạn mức sử dụng là 35.000.000 đồng. Xét thấy, hợp đồng được kí kết trên cơ sở hai bên hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật do đó có hiệu lực pháp luật.

- *Xét yêu cầu thanh toán nợ gốc*

Quá trình thực hiện hợp đồng phía bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Theo quy định tại Điều 26 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền chấm dứt quyền sử dụng thẻ và tiến hành việc thu hồi toàn bộ nợ và toàn bộ dư nợ của chủ thẻ cũng được xem là quá hạn và chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán toàn bộ dư nợ nên việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Tuấn A thanh toán số tiền nợ gốc là có căn cứ. Tuy nhiên, do việc xác định số dư nợ chuyển nợ quá hạn của ngân hàng không đúng nên chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn. Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Tuấn A phải thanh toán khoản nợ gốc: 40.300.489 đồng bao gồm cả số nợ gốc và phí là không phù hợp. Do Ngân hàng chỉ đồng ý phê duyệt hạn mức tín dụng là: 35.000.000 đồng nên nợ gốc kể từ thời điểm chuyển quá hạn từ ngày 22/9/2020 được xác định là: 35.000.000 đồng.

- *Xét yêu cầu thanh toán nợ lãi trong hạn và quá hạn*

Lãi suất trong hạn được áp dụng đối với hợp đồng cấp tín dụng trên là 25,8%/ năm, tương đương 2,15%/ tháng. Mức lãi suất này phù hợp với quy định trong biểu ban hành lãi suất của ngân hàng nên chấp nhận mức lãi suất trong hạn là 2,15%/tháng. Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông Nguyễn Tuấn A phải thanh toán lãi quá hạn. Do đó, căn cứ vào Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, điểm c khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S, buộc ông Tuấn A phải trả số tiền lãi trong hạn chưa trả và lãi quá hạn (do hai bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% lãi trong hạn) tính trên số dư nợ gốc: 35.000.000 đồng. Thời điểm chuyển quá hạn từ ngày 22/9/2020.

Về án phí: Căn cứ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền: Bị đơn là ông Nguyễn Tuấn A có hộ khẩu thường trú: 16B ngõ 161C phố Đ, phường ĐT, quận H, Hà Nội. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015 vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

1.2. Xét việc vắng mặt người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án theo biên bản làm việc với công an phường ĐT thể hiện: ông Nguyễn Tuấn A có hộ khẩu thường trú tại 16B ngõ 161C phố Đ, phường ĐT, quận H, Hà Nội nhưng đã không sinh sống tại địa chỉ này từ lâu. Hiện ông Tuấn A ở đâu địa phương không nắm được. Do đó, Tòa án đã tiến hành tổng đạt niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Nguyễn Tuấn A. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử bình thường.

[2] Về nội dung:

Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Hà Nội đã ký Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng số 472074-0352 ngày 06/6/2019 với ông Nguyễn Tuấn A mức 40.000.000 đồng. Nhưng Ngân hàng chỉ đồng ý cấp thẻ hạn mức: 35.000.000 đồng cho ông Nguyễn Tuấn A, mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Xét Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, có mục

đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật.

Theo bản sao kê của Ngân hàng nộp cho Tòa án thể hiện ông Nguyễn Tuấn A hoàn toàn là giao dịch rút tiền mặt hoặc giao dịch tương đương rút tiền mặt nên lãi suất được tính từ ngày chủ thẻ thực hiện giao dịch cho đến hết ngày chủ thẻ thanh toán lại toàn bộ số tiền đã rút được quy định tại Điều 25.1 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng. Ngoài ra, quá trình sử dụng thẻ ông Tuấn A đã lần giao dịch vượt hạn mức thẻ vào các thời điểm: 22/10/2019, 22/3/2020 và 22/6/2020.

Theo bảng tóm tắt sao kê Ngân hàng nộp tại phiên tòa thể hiện: Ông Tuấn A đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Đến tháng 9/2020 cho đến nay ông Tuấn A đã không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào. Do đã quá thời hạn thanh toán của chủ thẻ quy định tại Điều 21 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên ngày 23/9/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn được quy định tại Điều 26 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Theo quy định tại Điều 21, Điều 26 tại Bản điều khoản chung về cấp tín dụng có quy định cụ thể như sau

Khoản 21.1 Điều 21 quy định: *“Chủ thẻ phải thanh toán cho S số tiền đến hạn hoặc số tiền tối thiểu vào hoặc trước ngày đến hạn được ghi trên TBGD”*

Khoản 21.2 Điều 21 quy định: *“Trường hợp sau ngày đến hạn mà chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán ít hơn số tiền tối thiểu tại TBGD thì chủ thẻ phải chịu phí chậm thanh toán”*

Khoản 26.1 Điều 26 quy định: *“Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến ngày thứ 10 của kỳ thông báo giao dịch lần thứ 2 thì toàn bộ dư nợ thẻ tín dụng sẽ bị chuyển sang nợ quá hạn.”*

Khoản 26.4 Điều 26 quy định: *“Khi sự kiện vi phạm xảy ra, Chủ thẻ hiểu và đồng ý rằng S có thể thực hiện một hoặc nhiều hành động sau:*

a, Chấm dứt quyền sử dụng Thẻ và tiến hành việc thu hồi toàn bộ nợ

b, Áp dụng lãi suất nợ quá hạn phù hợp với khoản 27 Điều 1 đối với toàn bộ dư nợ theo quy định của S. Sau 75 ngày kể từ ngày lập thông báo giao dịch hoặc sau 03 (ba) kỳ thanh toán tối thiểu, S sẽ chấm dứt quyền sử dụng thẻ của Chủ thẻ và tiến hành các biện pháp cần thiết để thu hồi nợ vay kể cả gọi điện/gửi văn bản cho bất kỳ tổ chức hay cá nhân nào để thông báo về việc vi phạm của Chủ thẻ và yêu cầu hỗ trợ điều tra, xác minh và/hoặc khởi kiện Chủ thẻ....”

Theo tờ trình cấp thẻ tín dụng được duyệt trên hệ thống áp dụng đối với hợp đồng tín dụng thẻ của khách hàng Nguyễn Tuấn A, lãi suất là: 25,8%/năm. Tại thời điểm này, Ngân hàng Nhà nước không quy định lãi suất cho vay tối đa, do đó việc Ngân hàng và ông Nguyễn Tuấn A thoả thuận lãi suất cho vay là 25,8%/năm là không trái quy định của pháp luật.

Như vậy các khoản nợ gốc, lãi sẽ là nợ quá hạn trong trường hợp bên vay không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Do đó theo hợp đồng tín dụng và Thông tư số 19 ngày 30/6/2019 của Ngân hàng Nhà nước quy định hoạt động thẻ Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền khởi kiện đòi ông Nguyễn Tuấn A phải trả số tiền nợ gốc chưa thanh toán, nợ lãi quá hạn, các loại phí theo Hợp đồng tín dụng thẻ nêu trên là có căn cứ.

Theo bảng tóm tắt sao kê mà Ngân hàng nộp cho Tòa án thể hiện ông Tuấn A nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ và giao dịch vượt hạn mức. Ngân hàng xác định ngày 23/7/2020 Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn là phù hợp với Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng và phù hợp với quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Tuấn A phải thanh toán khoản nợ gốc: 40.300.489 đồng bao gồm cả số nợ gốc, các khoản phí và lãi là không phù hợp. Do Ngân hàng chỉ đồng ý phê duyệt hạn mức tín dụng là: 35.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử xác định khoản nợ gốc là: 35.000.000 đồng nên chỉ chấp nhận một phần đối với yêu cầu kiện đòi nợ gốc của Ngân hàng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Tuấn A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Đối với khoản tiền lãi: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần yêu cầu Ngân hàng xác định khoản lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi cũng như phương thức tính lãi của Ngân hàng. Tuy nhiên, Ngân hàng chỉ yêu cầu anh Nguyễn Tuấn A trả tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét xử là: 25.776.372 đồng. Ngân hàng xác định ngày 23/7/2020 Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ đối với khách hàng Nguyễn Tuấn A và chuyển toàn bộ khoản dư nợ sang nợ quá hạn. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, khoản 2 Điều 11 của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001, điểm c khoản 4 Điều 13 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước

quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng xác định khoản nợ lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc được tính kể từ ngày Ngân hàng chuyển khoản nợ sang nợ quá hạn là ngày 23/7/2020 đến ngày xét xử là: $35.000.000 \text{ đồng} \times 25,8\%/360 \times 645 \times 150\% = 24.268.125 \text{ đồng}$.

Mặt khác, ông Nguyễn Tuấn A phải thanh toán cho Ngân hàng phí trễ hạn và phí vượt hạn mức kể từ ngày 23/7/2020, cụ thể: Phí trễ hạn: 912.976 đồng
Phí vượt hạn mức: 245.218 đồng

Ngoài ra, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác

3. Về án phí:

Bị đơn ông Nguyễn Tuấn A phải chịu án phí tính trên phần nghĩa vụ phải thanh toán cho Ngân hàng; Ngân hàng được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 16 Điều 4, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTM ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với ông Nguyễn Tuấn A

2. Buộc ông Nguyễn Tuấn A phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền còn nợ tính đến xét xử theo Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng số 472074-0352, bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ký ngày 06/6/2019 tạm tính xét xử bao gồm:

Nợ gốc: 35.000.000 đồng

Lãi trong hạn: 24.268.125 đồng

Phí trễ hạn: 912.976 đồng

Phí vượt hạn mức: 245.218 đồng

Tổng: 60.426.319 đồng (sáu mươi triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn ba trăm mười chín đồng)

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án là ông Nguyễn Tuấn A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Về án phí:

Bị đơn là ông Nguyễn Tuấn A phải chịu 3.021.316 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự đối với phần không được chấp nhận, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.190.000 đồng theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số AA 0012071 ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Ngân hàng được hoàn lại số tiền 890.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt Ngân hàng TMCP S; vắng mặt ông Nguyễn Tuấn A. Ngân hàng TMCP S có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Ông Nguyễn Tuấn A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q. Hai Bà Trưng;
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND TP. Hà Nội;
- Chi cục THADS Q. Hai Bà Trưng;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**